

Bản án: 221/2018/KDTM-PT
Ngày: 07 - 02 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng thi
công xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thu Chinh**
Bà **Nguyễn Thị Lang**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hiền** - cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Ái** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2017/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3169/2017/QĐXX-PT ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại V, địa chỉ: 575/8A Hung P, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng P (Có mặt)
(Giấy ủy quyền số 01/2018.UQ ngày 10/01/2018).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần T, địa chỉ: Tòa nhà U&I, số 9 Ngô Gia T, phường N, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (Có mặt)
(Giấy ủy quyền số 2017/TL ngày 12/12/2017)

- **Người kháng cáo**: Công ty Cổ phần T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau :

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 31/10/2011, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại V (từ đây viết tắt là công ty V) và Công ty Cổ phần T (từ đây viết tắt là công ty T) có ký hợp đồng giao nhận thầu thi công số 3110/HĐ/2011 theo đó các bên thỏa thuận như sau:

Công ty V nhận thi công công trình cửa hàng thời trang ESPRIT tại Trung tâm Thương mại Crescent Mall, Quận 7, Tp. HCM; giá trị hợp đồng là 1.796.496.000 đồng.

Thanh toán theo các đợt như sau:

- Đợt 1: Công ty T trả cho công ty V 30% giá trị thi công tương đương 538.494.400 đồng ngay sau khi ký hợp đồng;

- Đợt 2: Công ty T trả cho công ty V 20% giá trị thi công tương đương 359.299.600 đồng sau khi công trình hoàn thành 50% tiến độ;

- Đợt 3: Công ty T trả cho công ty V 20% giá trị thi công tương đương 359.299.600 đồng sau khi công trình hoàn thành 100% tiến độ;

- Đợt 4: Công ty T trả cho công ty V 25% giá trị thi công tương đương 449.124.500 đồng, trong thời hạn 03 tháng sau khi công trình được nghiệm thu;

- Đợt 5: Còn lại 5% giá trị hợp đồng tương đương 89.824.900 đồng, được giữ lại trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Ngoài ra các bên còn thỏa thuận các điều khoản hợp đồng về tiêu chuẩn kỹ thuật, trách nhiệm các bên...

Các bên thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận.

Ngày 05/01/2012, các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng, nhưng đến nay công ty T vẫn chưa thanh toán đợt 4 là 25% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận và 5% giá trị bảo hành công trình.

Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả:

- Số nợ của đợt thanh toán đợt 4 và đợt 5 là 30% tổng giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 538.494.800 đồng;

- Số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 06/01/2013 đến khi xét xử sơ thẩm (28/9/2017) là 56 tháng 22 ngày tính tròn 56 tháng với mức lãi suất là 9%/năm, tương đương 0.75%/ tháng, thành tiền 226.358.496 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 765.307.296 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của bị đơn:

Tòa án tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ nhưng bị đơn nhiều lần vắng mặt.

Tại các bản án tự khai, tại phiên tòa bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do số tiền mà bị đơn chưa thanh toán đợt 4 và đợt 5 theo thỏa thuận tại hợp đồng 3110/HĐ/2011 ngày 31/10/2011 là 538.494.800 đồng đã được bị đơn sử dụng để bảo hành công trình.

Tại bản án số 114/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty Cổ phần T trả cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại V số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng giao nhận thầu thi công số 3110/HĐ/2011 ngày 31/10/2011 là 538.948.800 (năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm) đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 226.358.496 (hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi sáu) đồng, tổng số tiền phải trả là 765.307.296 (bảy trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm lẻ bảy ngàn hai trăm chín mươi sáu) đồng.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần T chậm thanh toán số tiền trên, thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân Quận 7, lý do kháng cáo: Nội dung bản án đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn vì kết luận của bản án không đúng với sự thật khách quan, không đúng pháp luật, không phù hợp với những tình tiết trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân TPHCM xét xử phúc thẩm vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Đại diện bị đơn, ông Nguyễn Văn Trình bày:

Trong quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân Quận 7 không ghi nhận những lời trình bày của của Công ty Cổ phần T. Đồng thời, Tòa án nhân dân Quận 7 vi phạm thủ tục tố tụng vì bỏ qua thủ tục hỏi và tranh luận của các đương sự. Về mức lãi suất chậm thanh toán thì bị đơn cho rằng phải áp dụng theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 thay vì áp dụng mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự. Vì vậy, bị đơn yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Đại diện nguyên đơn, ông Nguyễn Hoàng P trình bày:

Quá trình xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật về tố tụng. Về việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn áp dụng Luật xây dựng 2014 là không phù hợp vì thời điểm thực hiện hợp đồng là năm 2011. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 114/2017/KDTM-ST ngày 28/09/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định.

II- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ Hợp đồng giao nhận thầu thi công số 3110/HĐ/2011 ngày 31/10/2011 giữa Công ty TNHH Xây dựng Thương mại V và Công ty Cổ phần T đã thỏa thuận với nhau về thể thức thanh toán và thời gian bảo hành công trình. Ngày 05/01/2012, các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng, nhưng đến

nay Công ty T vẫn chưa thanh toán đợt cuối là 25% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận và 5% giá trị bảo hành công trình. Tại Bản tự khai ngày 08/12/2016, bà Phạm Bích H là đại diện theo pháp luật Công ty T cũng thừa nhận đến nay công ty chưa thanh toán số tiền còn thiếu theo thỏa thuận trong hợp đồng với lý do công ty đã sử dụng khoản tiền này để bảo hành cho công trình và công ty sẽ cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Tuy nhiên, đến ngày 10/01/2017 Công ty T vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bảo trì công trình của mình.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó và đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc, nên ý kiến của Công ty Cổ phần T là không có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm không tiến hành thủ tục hỏi và tranh luận, hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 28/9/2017 ghi nhận diễn biến phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục hỏi và tranh luận. Do đó yêu cầu kháng cáo này của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với mức lãi suất 9%/năm: Tại Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định trong trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Công ty V yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán theo mức 9%/năm là có lợi cho phía bị đơn và phù hợp quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40, điểm đ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 74, 85 và Điều 306 Luật Thương mại;
- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Y án sơ thẩm:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty Cổ phần T trả cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại V số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng giao nhận thầu thi công số 3110/HĐ/2011 ngày

31/10/2011 là 538.948.800 (năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm) đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 226.358.496 (hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi sáu) đồng, tổng số tiền phải trả là 765.307.296 (bảy trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm lẻ bảy ngàn hai trăm chín mươi sáu) đồng.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần T chậm thanh toán số tiền trên, thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi xuất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả

3. Về án phí :

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần T chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 34.612.292 đồng.

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.165.000 đồng theo biên lai thu tiền số 08919 ngày 23/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được căn trừ vào các biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0024518 ngày 31/10/2017 và biên lai số 0024429 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Công ty Cổ phần T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Biện Thị Hoa